

Bản án số: 54/2021/HS-ST
Ngày 01 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Én;

Bà Trịnh Thị Tình;

Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Cao - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 54/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021, đối với:

- Các bị cáo:

1. Đỗ Văn T, sinh năm 1995 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27232751X do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27-6-2019; nơi đăng ký thường trú: Số X, Khu phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Tổ A, ấp L, xã H3, huyện T, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H và bà Võ Thị Cẩm H; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 23-6-2020; hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T: Ông Nguyễn Văn N, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; nơi làm việc: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TTD, Số X, đường H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Tuấn V (tên gọi khác: V), sinh năm 1998 tại Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn M và bà Trương Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Về nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 206/2017/HS-ST ngày 29-5-2017, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 02 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích” (phạm tội khi chưa thành niên), theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; chấp hành xong hình phạt tù ngày 29-9-2018; đương nhiên xóa án tích theo Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 286/2018/HS-ST ngày 23-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố B và Bản án hình sự phúc thẩm số: 217/2018/HS-PT ngày 12-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, bị xử phạt 06 tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng” (phạm tội khi chưa thành niên), theo khoản 1 Điều 245 của Bộ luật Hình sự năm 1999; chấp hành xong hình phạt tù ngày 29-3-2019; đương nhiên xóa án tích theo Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 23-6-2020; hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Tuấn V: Ông Nguyễn Văn N, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; nơi làm việc: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TTD, Số X, đường H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Các bị hại:

1. Anh Nguyễn Khắc N, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2000 (đã chết); nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Khắc N: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (cha mẹ ruột của anh N;

theo văn bản ủy quyền ngày 01-7-2020, bà T ủy quyền cho ông L); cùng cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Đức T, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2000; cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Hoàng T; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị Bích L; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Vũ Tiến H; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Khoảng 13 giờ ngày 20/6/2020, Đỗ Văn T gọi điện thoại rủ Trương Tuấn V, đến dãy nhà trọ “CM”, thuộc Khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tìm một người tên T1, để giải quyết mâu thuẫn (vì trước đó T1 có đánh bạn của T) thì V đồng ý. Khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu đỏ đen, biển số 60F3 - 480.1X đến nhà trọ của V thuộc Khu phố X, phường T, thành phố B, chở V đi. Khi đang đi trên đường, T hỏi V: “*Có mang theo đồ chơi không?*”, V trả lời: “*Không có gì hết*”; T mới nói với V là: “*Chắc mua dao*”. T và V ghé vào một tiệm tạp hóa trong chợ, mua 03 con dao (loại dao Thái lan). T giữ 01 con dao dài khoảng 25 cm, cán dao màu đen; còn V giữ 02 con dao dài khoảng 20 cm, cán dao màu vàng; cả hai cất dao trong người và đi đến dãy nhà trọ “CM”.

Khi đến nơi, T và V không tìm được người tên T1, mà gặp Vũ Tiến H, sinh năm 2003, hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; T hỏi anh H là có biết T1 không, anh H trả lời không biết thì bị T dùng tay đâm vào mặt; sau đó, T và V có dùng tay đánh anh H mấy cái nữa, rồi bỏ đi. Anh H bức tức vì bị đánh, nên gọi điện thoại cho anh Nguyễn Đức T2, sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, nói là bị T và V đánh. Anh T2 liền rủ bạn là anh Nguyễn Khắc N, sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, cùng đi đến chỗ của anh H. Khi anh T2 và N gặp H, H có nói với anh T2 là: “*Bọn nó có dao*”, nên anh T2 và N cầm mỗi người 02 cục đá nhặt ở bên đường, cùng H đi tìm T và V.

Đến khoảng 15 giờ 30 cùng ngày, nhóm của anh T2 gặp T và V ở khu chợ tự phát “MN”, thuộc Khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Anh T2 mới hỏi T và V là: “*Thằng nào đánh em tao*”, T và V không trả lời và bước về phía nhóm của T2. Anh T2 thấy vậy nên mới bảo N và H, cùng ném đá về phía T và V. T bị ném trúng chân phải, chảy máu; còn V bị ném trúng tay nhưng không bị thương tích gì. Lúc này, T và V lấy dao giấu ở trong người ra, đuổi đánh nhóm của anh T2. T đuổi kịp anh N và dùng dao đâm một nhát trúng người anh N làm anh N bị té xuống đường; sau đó, T và V cùng xông về phía anh N, dùng dao đâm nhiều nhát trúng chân và tay của anh N. Anh T2 thấy anh N bị đâm, nên lấy một cái khay đựng bánh mì của tiệm bánh mì bên đường đánh T, nhưng T dùng tay đỡ và gạt ra. T cầm dao đâm về phía anh Tuấn, làm Tuấn bị thương ở tay phải. V thấy vậy cũng xông tới, cùng T dùng dao đâm nhiều nhát trúng tay, chân, hông và hông của anh T2. Khi thấy anh T2 và anh N bị chảy máu nhiều, nên T và V không đâm nữa mà bỏ đi. Anh T2 và anh N được người dân đưa đi cấp cứu nhưng anh N bị chết ngay sau đó; còn anh T2 bị thương nặng. Sau khi gây án, T và V đã bỏ trốn. Đến ngày 23/6/2020, thì cả hai đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai (PC02) đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

2. Nội dung khác có liên quan:

Đối với hành vi của Nguyễn Khắc N cùng với Nguyễn Đức T2, Vũ Tiến H dùng đá ném trúng chân bị cáo Đỗ Văn T gây thương tích 04% (bốn phần trăm), bị cáo T không yêu cầu xử lý hình sự và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Đức T2 và Vũ Tiến H đã chủ động mang theo đá đi tìm bị cáo T và bị cáo V để giải quyết mâu thuẫn; sau đó, còn dùng đá ném vào người T và V. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến vụ xô xát đánh nhau, gây ra hậu quả nghiêm trọng, gây mất an ninh trật tự tại khu vực chợ tự phát “MN”, có dấu hiệu phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”, quy định tại Điều 318 của Bộ luật Hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B, để tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

3. Khám nghiệm:

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 20/6/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai, thể hiện:

- Hiện trường tiến hành khám nghiệm tại đường đất - đá, thuộc chợ tự phát MN; địa chỉ: Khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- Các hướng tiếp giáp như sau: Hướng Đông là đường đất đá; hướng Tây là đường đất đá; hướng Nam giáp các Ki-ốt của chợ và hướng Bắc giáp các Ki-ốt của chợ.

4. Giám định:

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 1334/KLGD-PC09 ngày 28/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai, giám định tử thi Nguyễn Khắc Nhựt, kết luận:

- Dấu hiệu chính: 13 vết rách da hình thẳng và hình bầu dục vùng lưng, tay và chân hai bên, mép gọn, có vết một đầu nhọn, một đầu tù, có vết hai đầu nhọn, rãnh thương đứt cơ, tổ chức dưới da, đứt tĩnh mạch, động mạch đùi phải.

- Nguyên nhân tử vong: Sốc mất máu do đa vết thương vùng lưng, tay và chân hai bên, đứt động mạch - tĩnh mạch đùi phải.

- Hung khí: Vật sắc nhọn và vật sắc có cạnh.

- Cơ chế hình thành thương tích: Nạn nhân bị tác động trực tiếp bằng vật sắc nhọn và vật sắc có cạnh vào vùng lưng, hai tay và hai chân làm rách tổ chức dưới da, rách cơ, đứt động mạch và tĩnh mạch đùi phải.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0631/TgT/2020 ngày 05/08/2020 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Đồng Nai đối với Nguyễn Đức T2, kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định :

+ Tổn thương đứt cơ duỗi cổ tay quay ngấn và gân duỗi các ngón tay phải đã được khâu nối gân hiện để lại hạn chế vận động khớp cổ tay mức độ ít. Tỷ lệ 05%.

+ Tổn thương đứt gân cơ thẳng đùi và gân rộng ngoài chân phải đã phẫu thuật, khâu nối gân cơ hiện để lại hạn chế vận động, chân phải đi lại còn yếu. Tỷ lệ 6%.

+ Sẹo vết thương và vết mổ 1/3 trên mặt sau cẳng tay phải kích thước 14x0,3 cm. Tỷ lệ 02%.

+ Sẹo 1/3 giữa mặt sau cẳng tay phải kích thước 06x0,3 cm. Tỷ lệ 02%.

+ Sẹo vết thương và vết mổ vùng mông phải kích thước 6,5x0,3 cm. Tỷ lệ 02%.

+ Sẹo vết thương và vết mổ mặt trước ngoài 1/3 trên đùi phải kích thước 16,5x0,3 cm. Tỷ lệ 02%.

+ Sẹo mông phải kích thước 2,5x0,3 cm. Tỷ lệ 01%.

- Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của anh Nguyễn Đức T2 là 18% (mười tám phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0593/TgT/2020 ngày 14/7/2020 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Đồng Nai đối với Đỗ Văn T, kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo căng chân phải kích thước 6,6x0,6 cm. Tỷ lệ 03%. Sẹo gối phải kích thước 2,5x0,3 cm. Tỷ lệ 01%.

- Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Đỗ Văn T là 04% (bốn phần trăm). Vật gây thương tích là vật tày và vật tày có cạnh.

5. Vật chứng:

- 01 (một) mũ lưỡi trai; 01 (một) cục đá có dính chất màu nâu (nghi máu); 01 (một) đôi dép có dính chất màu nâu (nghi máu); 03 (ba) dấu vết màu nâu (nghi máu); 01 tấm lót cao su màu đen ghi chữ Vario 150 màu trắng của xe mô tô biển số 60F3 - 480.1Y; 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Samsung là của Nguyễn Đức T2; do không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho anh T2; 01 (một) quần vải màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay đen, có hoa văn màu trắng và 01 (một) áo khoác màu đen dài tay, Trương Tuấn V mặc khi gây án.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vario màu đỏ đen biển số 60F3 - 480.1X, số khung: MH1KF4118KK828966, số máy: KF41E1831467 của Đỗ Văn T.

- Đối với 03 con dao mà các bị cáo đã sử dụng gây án. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm, nhưng không tìm thấy.

6. Về dân sự:

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Khắc N yêu cầu bồi thường (bút lục số 231): Chi phí mai táng: 50.000.000 đồng và tổn thất tinh thần 120.000.000 đồng; tổng cộng 170.000.000 đồng; đã nhận 50.000.000 đồng từ gia đình bị cáo Đỗ Văn T; số tiền còn lại yêu cầu là 120.000.000 đồng.

- Bị hại Nguyễn Đức T2 yêu cầu bồi thường (làm tròn) 36.000.000 đồng (bút lục số 255); đã nhận 10.000.000 đồng từ gia đình bị cáo Đỗ Văn T; số tiền còn lại yêu cầu là 26.000.000 đồng.

7. Cáo trạng và trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Cáo trạng số: 1938/CT-VKS-P2 ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định truy tố Đỗ Văn T và Trương Tuấn V về các tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”, theo điểm n khoản 1 Điều 123 và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo phạm tội như cáo trạng đã truy tố.
- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đỗ Văn T: 18 đến 20 năm tù về tội “Giết người” và 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.
- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trương Tuấn V: 18 đến 20 năm tù về tội “Giết người” và 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.
- Về dân sự: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường theo quy định.
- Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô của Đỗ Văn T để đảm bảo thi hành án. Các vật chứng còn lại tịch thu tiêu hủy.

8. Trình bày của các bị cáo và người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Các bị cáo và bên các bị hại vẫn giữ nguyên ý kiến và lời khai trong quá trình điều tra và truy tố.

9. Người bào chữa cho các bị cáo trình bày:

Việc truy tố các bị cáo theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự đối với tội “Giết người” là không có cơ sở; bởi lẽ, anh Vũ Tiến H mới là người các bị cáo gây sự có tính côn đồ, bị cáo T có dùng tay đánh anh H vài đấm và bỏ đi; sự việc chấm dứt ở đây. Tuy nhiên, anh H lại gọi anh Nguyễn Khắc N và anh Nguyễn Đức T2, nhằm mục đích đánh các bị cáo. Khi các bị hại gặp các bị cáo đang cầm dao; lúc này, các bị hại có thể bỏ đi nhưng lại tấn công 02 bị cáo. Tại phiên tòa, bị hại T2 cũng thừa nhận có lỗi trong sự việc. Do đó, đề nghị Hội

đồng xét xử xác định các bị cáo phạm tội không có tính chất côn đồ và xét xử các bị cáo ở khoản khác của Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Việc truy tố tội “Cố ý gây thương tích” và phân dân sự không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh bị truy tố:

Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Văn T và Trương Tuấn V khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả. Trình bày của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cáo trạng truy tố là có căn cứ, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đỗ Văn T và Trương Tuấn V phạm tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”, theo điểm n khoản 1 Điều 123 và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Đỗ Văn T đã tự nguyện bồi thường dân sự một phần cho bị hại; các bị cáo đầu thú; bị cáo T có thời gian tham gia quân đội; tại phiên tòa, bên các bị hại đều đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và không có yêu cầu bồi thường nào khác. Các tình tiết này, được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.3. Về hình phạt:

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng và sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn; trong đó, bị

cáo Đỗ Văn T có vai trò cao hơn bị cáo Trương Tuấn V. Cần phải có hình phạt phù hợp, tương xứng hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo; cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về dân sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo chấp nhận liên đới bồi thường cho các bị hại theo các yêu cầu nêu trên; do đó, ghi nhận sự tự nguyện của các bên.

[5] Vật chứng:

Tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe mô tô của Đỗ Văn T, để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án. Các vật chứng còn lại đã cũ, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

- Chấp nhận một phần đối với phần trình bày của Kiểm sát viên và của người bào chữa.

- Đối với phần trình bày của các bị cáo và các bị hại phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố và hồ sơ vụ án; đồng thời, tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn T và Trương Tuấn V phạm tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”, theo điểm n khoản 1 Điều 123 và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 và điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 15 (mười lăm) năm tù về tội “Giết người” và 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) tội là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23-6-2020.

2.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 và điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trương Tuấn V 14 (mười bốn) năm tù về tội “Giết người” và 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23-6-2020.

3. Về dân sự:

3.1. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Áp dụng khoản 5 Điều 275; các Điều 584; 585; 586; 587; 590 và 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Buộc các bị cáo Đỗ Văn T và Trương Tuấn V, phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị T (cha mẹ ruột của bị hại Nguyễn Khắc N), với số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng); trong đó, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

- Buộc các bị cáo Đỗ Văn T và Trương Tuấn V, phải liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Đức T2, với số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng); trong đó, bị cáo Đỗ Văn T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) và bị cáo Trương Tuấn V có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3.2. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường và thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên (mục 3, phần quyết định của bản án này), thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian

chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

4.1. Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) mũ lưỡi trai; 01 (một) cục đá có dính chất màu nâu (nghi máu); 01 (một) đôi dép có dính chất màu nâu (nghi máu); 03 (ba) dấu vết màu nâu (nghi máu); 01 tấm lót cao su màu đen ghi chữ Vario 150 màu trắng của xe mô tô biển số 60F3 - 480.11; 01 (một) quần vải màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay đen, có hoa văn màu trắng và 01 (một) áo khoác màu đen dài tay.

4.2. Tiếp tục tạm giữ:

Tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vario màu đỏ đen, biển số 60F3 - 480.1X, số khung: MH1KF4118KK828966, số máy: KF41E-1831467, để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án đối với Đỗ Văn T.

Các vật chứng nêu trên, đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04-3-2021, phiếu nhập: NK21/060.

5. Án phí:

- Buộc các bị cáo Đỗ Văn T và Trương Tuấn V, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải nộp 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Trương Tuấn V phải nộp 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo Đỗ Văn T và Trương Tuấn V, bị hại anh Nguyễn Đức T2, ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị T (người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Khắc N), được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (2);
- Bị hại (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành

